TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/KDTM - PT
Ngày 17 – 02 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng và ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2024/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản"*. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2024/KDTM - ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ - PT ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy H- Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y Tăo A M, sinh năm 1998;

Địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk– Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ – Có mặt;

Địa chỉ: A Bà T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Công ty cổ phần B;

Địa chỉ: D D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thái T - Chức vụ: Giám đốc – Vắng mặt;

Địa chỉ: C Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 5 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Ngọc B1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt;

- Người kháng cáo: Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Quốc B trình bày có nội dung:

Ngày 25/11/2023, giữa Công ty TNHH X (*gọi tắt là* công ty X) và Công ty cổ phần B (*gọi tắt là* công ty B) có ký kết hợp đồng gửi giữ tài sản bằng hình thức hợp đồng miệng với nhau, nội dung thỏa thuận: Công ty X gửi vào kho của công ty B số lượng hàng: 5.323,8 kg sầu riêng, trong đó sầu riêng kem: 2.000kg, sầu riêng múi: 2.213,8 kg, sầu riêng múi: 1.110kg theo "Phiếu nhập kho" số 0686 quyển số 14 ngày 25/11/2023 của công ty B với nội dung ghi nhận là "Lưu kho ký gửi". Thỏa thuận bằng miệng với nhau là số hàng trên yêu cầu công ty B phân loại, đóng gói, cấp đông và gởi vào kho của công ty B đến khi nào có khách sẽ liên hệ lấy hàng; công ty X phải chịu chi phí phân loại, cấp đông 13.000đ /kg; chi phí lưu kho tính theo tiền điện, lưu bao nhiêu thì tính bấy nhiêu. Sau đó công ty B có báo lại số lượng cụ thể cho công ty X thông qua tin nhắn zalo của bà B1, cụ thể: 100 kg múi sầu cấp đông dona loại B; 1.080kg múi sầu cấp đông dona loại C; 1.640kg sầu riêng dona kem; 100 kg múi sầu cấp đông Ri loại B; 1.140kg múi sầu cấp đông Ri loại C; 960 kg sầu riêng kem Ri. Sau đó công ty B đã xuất hàng của công ty X cho bà B1 là kế toán công ty X mà không có sự đồng ý của bà H. Do đó, công ty X khởi kiện yêu cầu công ty B trả lại cho công ty X 2.612,8 kg sầu riêng múi A x 215.000đ/kg tại thời điểm 24/02/2024 = 561.752.000 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty B phải trả lại cho công ty X 360 kg sầu riêng kem x 70.000đ/kg = 25.200.000 đồng và 1.929 kg sầu riêng múi A x 205.000 đ/kg = 393.6000.000 đồng - 81.263.000đ = **337.537.000** đồng. Ngoài ra công ty X không có yêu cầu nào khác;

2. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Y Tăo A M trình bày có nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thúy H là giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty TNHH X (Công ty X). Bà Võ Thị Ngọc B1 là kế toán của công ty X. Vào khoảng thời gian tháng 12/2023 do hàng xuất không được nên công ty tháo múi 01 lô sầu

riêng và cho vào đông lạnh tại kho của công ty. Bà B1 có giới thiệu cho bà H đem hàng sầu riêng trên gởi vào kho của công ty B để công ty B phân loại và cấp đông. Do đó bà H có đem hàng đến gởi tại kho đông lạnh của công ty B4, nhờ phân loại, cấp đông và gởi vào kho của công ty B Cụ thể: Ngày 25/11/2023 công ty X và công ty B4 có ký kết hợp đồng gửi giữ tài sản bằng hình thức hợp đồng miệng với nhau, nội dung thỏa thuận: Công ty X có gởi vào kho của công ty B số lượng hàng: 5.323,8 kg sầu riêng, trong đó sầu riêng kem: 2.000 kg, sầu riêng múi: 2.213,8kg, sầu riêng múi: 1.110kg theo "Phiếu nhập kho" số 0686 quyển số 14 ngày 25/11/2023 của công ty B với nội dung ghi nhận là "Lưu kho ký gửi". Thỏa thuận bằng miệng với nhau là số hàng trên yêu cầu công ty B phân loại, đóng gói, cấp đông và gởi vào kho của công ty B đến khi nào có khách sẽ liên hệ lấy hàng; công ty X phải chịu chi phí phân loại, cấp đông công 13.000đ/kg; chi phí lưu kho tính theo tiền điện, lưu bao nhiêu thì tính bấy nhiêu. Sau đó công ty B tiến hành phân loại, đóng gói, cấp đông và lưu kho đông lạnh của công ty B.

Đến ngày 12/12/2023, bà B1 thông báo với bà H có khách mua 1.080 kg sầu riêng múi Thái hàng B, C với giá 65.000kg/kg thì bà H đồng ý bán; bà B1 liên hệ với công ty B để xuất kho bán cho khách; bà H, bà B1 có trực tiếp đến kho của công ty B để lấy hàng bán cho khách 1080 kg được 70.200.000 đồng, số tiền trên bà B1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của bà H.

Đến 24/02/2024, có khách vào mua sầu riêng nên bà H và kế toán là bà B1 có vào kho của công ty B để lấy hàng bán cho khách thì lúc này bà B1 mới nói là bà B1 đã bán hàng của công ty X gởi tại kho của công ty B và sau đó bà B1 có chuyển khoản vào tài khoản bà H số tiền tổng cộng 81.263.000 đồng. Lúc này bà H không đồng ý với việc bà B1 bán hàng trên nên yêu cầu bà B1 và công ty B khắc phục thì bà B1 xin lỗi và mong muốn làm để trừ lương (Có nhắn tin zalo). Sau đó bà H có vào kho của công ty B lấy hết số hàng của công ty X gởi là 1.631kg hàng kem T, C.

Đến nay, công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty B trả lại cho công ty TNHH X 2.612,8 kg sầu riêng múi A x 215.000đ/kg tại thời điểm 24/02/2024 = 561.752.000 đồng. Tuy nhiên đến nay công ty X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty B phải trả lại cho công ty X 360 kg sầu riêng kem x 70.000đ/kg = 25.200.000 đồng và 1.929 kg sầu riêng múi A x 205.000đ/kg = 393.6000.000 đồng - 81.263.000 đồng = 337.537.000 đồng. Ngoài ra công ty X không có yêu cầu nào khác;

3. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quang C ***trình bày có nội dung:***

Vào ngày 25/11/2023, công ty B và công ty TNHH X có ký với nhau hợp đồng gửi giữ tài sản (hợp đồng miệng). Theo thỏa thuận thì công ty X ký gửi 01 lô hàng sầu riêng cấp đông vào kho của công ty B với số lượng theo phiếu nhập kho ban đầu chưa phân loại là 5.323,8 kg, cụ thể như sau: Sầu riêng kem: 2.000kg; Sầu riêng múi: 2.213,8kg; Sầu riêng múi (thùng) là 1.110kg. Tại thời điểm hai bên ký hợp đồng, bà H có dẫn theo kế toán của công ty là bà Võ Thị Ngọc B1. Tại đây bà

H đã thỏa thuận (bằng miệng) với phía công ty B là vì lý do công việc nên toàn bộ quá trình mua bán, xuất hàng và việc chuyển tiền thanh toán; Tiền ký gửi hàng hóa... liên quan đến lô hàng ký gửi nói trên tại kho công ty B sẽ giao cho bà B1 toàn quyền quyết định và trực tiếp thực hiện. Sau khi hàng chuyển đến kho của công ty B, bà B1 nhận thấy hàng xấu, chưa đảm bảo tiêu chuẩn và chưa phân loại nên có đề nghị phía công ty B phân loại và đóng thùng 20kg/thùng để dễ kiểm soát và mua bán sau này. Sau khi phân loại xong công ty B đã báo cho bà B1 số lượng còn lại cụ thể như sau: 100kg múi sầu cấp đông dona loại B; 1,080kg múi sầu cấp đông dona loại C; 1.640kg sầu riêng dona kem và 100kg múi sầu cấp đông Ri loại B; 1.140kg múi sầu cấp đông Ri loại C; 960 kg sầu riêng kem Ri. Tổng số lượng sau khi phân loại còn lại là: **5.020kg**. Từ đó theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty B4 mặc định việc mua bán, xuất hàng của phía công ty X sẽ thông qua bà B1 (*có xác nhận qua tin nhắn zalo và điện thoại*). Theo yêu cầu của bà B1 và bà H, công ty B đã làm thủ tục xuất hàng cho khách hàng tổng cộng là 05 lần, với tổng số lượng là 5.000 kg, cụ thể:

Ngày 12/12/2023 xuất kho 54 thùng x 20 kg/ thùng =1080 kg;

Ngày 15/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg;

Ngày 20/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg;

Ngày 29/01/2024 xuất kho 104 thùng x 20 kg/ thùng = 2.080 kg;

Ngày 24/02/2024 bà H và bà B1 (kế toán của bà H) đến lấy số hàng (kem) còn lại là 82 thùng x 20 kg/thùng = 1.640kg.

Toàn bộ số hàng mà công ty X ký gửi tại công ty B, công ty B đã xuất kho theo yêu cầu của công ty B, tổng 05 lần xuất kho là 250 thùng x 20kg/ thùng = 5.000kg. Trong 05 lần xuất kho thì có 04 lần bà B1 ký nhận và 01 lần cuối cả bà B1 và bà H cùng ký nhận. công ty B khẳng định việc khởi kiện của nguyên đơn là vô căn cứ, công ty B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi công ty B đã thực đúng thỏa thuận và cam kết giữa hai bên, đã giao đủ số hàng cho đại diện của công ty X nhận. Trường hợp nếu có thiệt hại gì xảy ra thì đó là chuyện riêng giữa cá nhân bà B1 với Công ty X, không liên quan gì đến công ty B.

4.Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Võ Thị Ngọc B1 ***trình bày có nội dung:***

Bà B1 làm kế toán của công ty X từ ngày 19/11/2023, tuy không có hợp đồng chính thức nhưng bà H đã giao nhiệm vụ cho bà làm việc với tư cách là kế toán chính thức của công ty, làm các công việc của kế toán duy nhất của công ty. Vì trước đây bà B1 đã từng giới thiệu rất nhiều khách, công ty B làm ăn rất uy tín nên bà B1 với tư cách là kế toán công ty X đã giới thiệu với bà H để hợp tác.

Ngày 25/11/2023, phía công ty X gồm bà B1, bà H, ông Lê Ngọc H1 là chồng của bà H có đến công ty B để gởi lô sầu riêng theo "Phiếu nhập kho" số: 0686 quyển số 14 ngày 25/11/2023 của công ty B với nội dung ghi nhận là "Lưu kho ký gửi". Theo "Phiếu nhập kho" số: 0686 quyển số 14 ngày 25/11/2023 của

công ty B với nội dung ghi nhận là "Lưu kho ký gửi". Vì trời đã tối nên chỉ nhập kho, sau đó phân loại và báo sau. Sau đó khoảng 03 ngày thì công ty B có báo lại số lượng cụ thể cho công ty X thông qua tin nhắn zalo của bà B1, bà B1 đã chuyển cho bà H để thông báo, bà H đồng ý gửi cụ thể: 100kg múi sầu cấp đông dona loại B; 1,080kg múi sầu cấp đông dona loại C; 1.640kg sầu riêng dona kem và 100kg múi sầu cấp đông Ri loại B; 1.140kg múi sầu cấp đông Ri loại C; 960 kg sầu riêng kem Ri. Sau đó công ty B4 tiến hành phân loại, đóng gói, cấp đông và lưu kho đông lạnh của công ty và có gởi cho bà B1 bảng phân loại, bà B1 có gởi lại cho bà H và bà H đã đồng ý. Bà H giao cho bà B1 việc tìm khách bán lô hàng trên, khi bà B1 tìm được khách thì sẽ thông báo với bà H để bán lô hàng đang gởi tại kho của công ty B Sau khi có khách mua hàng bà B1 đã thông báo với bà H và yêu cầu công ty B hàng để bán cho khách cụ thể: Ngày 12/12/2023 xuất kho 54 thùng x 20 kg/ thùng =1.080 kg; Bà B1 đã chuyển khoản số tiền 70.200.000 đồng vào tài khoản của bà H;

Ngày 15/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg;

Ngày 20/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg;

Ngày 29/01/2024 xuất kho 104 thùng x 20 kg/ thùng = 2.080kg.

Ngày 24/02/2024, có khách mua thì bà H nói bà B1 dắt lên kho coi hàng nhưng khách chê hàng không chất lượng nên không mua, bà H không chịu với việc hàng kem gởi không còn và là hàng kém chất lượng, bị hư hao nên đổ lỗi cho bà B1 bán hàng không thông báo và không chuyển tiền. Tại kho của công ty B, bà H có hành vi gây rối và sau đó có mời bà Thái T và nhân viên của bà T làm việc. Tại buổi làm việc bà B1 có giải thích là vì ngày 29/01/2024 bà có yêu cầu công ty B6 kho 104 thùng x 20 kg/ thùng = 2.080 kg bán cho khách, bà có thông báo cho bà H có khách mua bà H đồng ý bán. Tuy nhiên, vì xuất hàng trong đêm và đã khuya nên sáng mai bà mới thông báo việc đã xuất kho bán, tiền bán hàng chưa chuyển vì đang bận và chưa quyết toán xong các khoản chi phí. Sau đó, bà H thống nhất thanh toán toàn bộ tiền lưu kho và lấy lại toàn bộ số hàng còn gởi trong kho của công ty B Bà B1 đã thanh toán toàn bộ tiền lưu kho còn lại cho công ty B là 22.737.000 đồng (*Trước đó đã thanh toán một phần, vì phải thanh toán tiền thì mới cho hàng xuất kho*) thì công ty B3 mới cho bà B1 và bà H lấy hàng ra khỏi kho. Sau đó đến khoảng chiều thì bà H đến nhận lại toàn bộ số hàng còn lại trong kho của công ty B là 82 thùng x 20kg/thùng = 1.640kg. Đối với số tiền bán hàng bà B1 đã chuyển toàn bộ vào tài khoản của bà H, cụ thể: Ngày 12/12/2023 bà B1 chuyển khoản cho bà H số tiền 70.200.000 đồng.

Ngày 24/02/2024 sau khi tính toán tiền lưu kho đợt đầu là 3.240.000 đồng, đợt 2: 4.160.000 đồng và chi phí ăn uống của bà B1 và bà H khi đi làm, không có hóa đơn chứng từ, tổng cộng bà B1 đã chuyển khoản toàn bộ số tiền này cho bà H là 81.263.000 đồng.

Bà B1 xác định hợp đồng của công ty X và công ty B đã thực hiện xong, thống nhất sự việc tiền bạc còn lại là giữa bà B1 và bà H, không liên quan đến công

ty B5 Sau khi tính toán các khoản trên, số tiền còn lại 81.263.000 đồng thì bà B1 đã chuyển lại cho bà H vào ngày 24/02/2024. Tuy nhiên, sau đó bà H và bà B1 phát sinh tranh chấp là vì bà H không chịu thanh toán tiền lương cho bà B1 từ ngày 19/11/2023 đến tháng 02/2024. Đối với số tiền 4.160.000 đồng bà B1 bỏ ra chi trả chi phí khác và ăn uống trong quá trình đi làm, bà H không thừa nhận thì bà B1 đồng ý chi phí trên sẽ trừ vào lương của bà. Việc công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty B trả lại cho công ty X 2.612,8 kg sầu riêng múi A x 215.000đ/kg tại thời điểm 24/02/2024 = 561.752.000đ là hoàn toàn không đúng vì toàn bộ hàng hóa đã xuất bán cho khách, bà H đã nhận tiền rồi. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2024/KDTM - ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 554; Điều 555; Điều 556; Điều 557; Điều 559; Điều 561 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH X đối với bị đơn công ty B về việc yêu cầu trả lại số hàng gửi kho gồm: 360kg sầu riêng kem và 1.920kg sầu riêng múi A, tính thành tiền là 337.537.000đ (*Ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn*);

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH X về việc yêu cầu bị đơn công ty B về việc lại số lượng sầu riêng tương đương số tiền 224.215.000đ;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định chữ ký, chữ viết, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, nguyên đơn Công ty TNHH X kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

* Tại phần tranh luận, luật sư ông Nguyễn Quốc B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2024 /KDTM - ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Thúy H nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thúy H, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

Các đương sự đều thừa nhận vào ngày 25/11/2023 Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) và Công ty cổ phần B (gọi tắt là công ty B) có ký kết hợp đồng gửi giữ tài sản bằng hình thức hợp đồng miệng với nhau, nội dung thỏa thuận: Công ty X gởi vào kho của công ty B 5.323,8kg sầu riêng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty B đã làm thủ tục xuất hàng cho công ty X tổng cộng là 05 lần, với tổng số lượng là 5.000kg, cụ thể: Ngày 12/12/2023 xuất kho 54 thùng x 20 kg/ thùng =1080 kg; theo phiếu xuất kho số BMGF- 0754 ngày 12/12/2023;

Ngày 15/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg; theo phiếu xuất kho số BMGF- 0757 ngày 15/12/2023;

Ngày 20/12/2023 xuất kho 05 thùng x 20 kg/ thùng = 100kg; theo phiếu xuất kho số BMGF- 0760 ngày 20/12/2023;

Ngày 29/01/2024 xuất kho 104 thùng x 20 kg/ thùng = 2080 kg; theo phiếu xuất kho số BMGF- 0768 ngày 29/12/2023;

Ngày 24/02/2024 xuất kho số hàng còn lại là 82 thùng x 20kg/thùng = 1.640kg, theo phiếu xuất kho số BMGF- 0776 ngày 24/02/2024.

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/02/2024, Công ty X đã thanh toán số tiền lưu kho và các chi phí khác cho công ty B5

Bà H cho rằng, Công ty X không có văn bản ủy quyền cho bà B1 bán hàng cho Công ty X và cho rằng bà H không ký vào các phiếu xuất kho số BMGF – 0753 ngày 12/12/2023 và phiếu xuất kho số BMGF – 0776 ngày 24/02/2024 và xác định chữ viết trong các phiếu xuất kho này không phải chữ viết của bà.

Hội đồng xét xử thấy rằng tại Biên bản đối chất ngày 28/8/2024 tại cấp sơ thẩm, bà H có xác nhận ngày 12/12/2023, bà B1 có liên hệ với bà H về nội dung sự việc có khách mua sầu riêng và bà H đồng ý cho bà B1 bán. Tại Biên bản kết luận giám định số 1353/KL-KTHS ngày 27 tháng 8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác nhận chữ ký, chữ viết trong tài liệu so sánh và tài liệu giám định là do một người ký, viết ra. Bên cạnh đó, bà Võ Thị Ngọc B1 và phía bị đơn là Công ty B4 đều xác định Khi giao dịch với công ty B, bà H không phải là người trực tiếp giao dịch, mà người trực tiếp giao dịch là bà B1. Các lần xuất hàng đều do bà B1 đại diện cho Công ty X yêu cầu công ty B hàng. Toàn bộ số hàng mà Công ty X ký gửi tại công ty B đã xuất kho theo yêu cầu của Công ty X, tổng số 05 (năm) lần xuất kho là 250 thùng x 20kg/thùng = 5.000kg.

Như vậy, từ thời điểm ngày 25/11/2023, bà Võ Thị Ngọc B1 là kế toán của Công ty X đã đại diện cho công ty X trực tiếp đứng ra giao dịch và yêu cầu Công ty B6 hàng của Công ty X gởi tại kho của công ty B Bà H không trực tiếp làm việc và giao dịch với công ty B.Toàn bộ chi phí phân loại, lưu kho, chi phí ký gửi của Công ty X đều do bà B1 thanh toán cho công ty B Đến ngày 24/02/2024, bà H đã yêu cầu công ty B kho toàn bộ số hàng còn lại của Công ty X, thể hiện tại phiếu xuất kho số BMGF – 0776 ngày 24/02/2024.

Từ những nhận định trên, xét thấy Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X là có căn cứ phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: nguyên đơn Công ty TNHH X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thúy H.

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2024/KDTM – ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk.

[2] Điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 554; Điều 555; Điều 556; Điều 557; Điều 559; Điều 561 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3] Tuyên xử:

[3.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn công ty cổ phần B về việc yêu cầu trả lại số hàng gửi kho gồm: 360kg sầu riêng kem và 1.920kg sầu riêng múi A, tgiá trị thành tiền là 337.537.000đ *(Ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng)*;

[3.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X về việc yêu cầu bị đơn công ty cổ phần phải trả lại số lượng sầu riêng tương đương số tiền 224.215.000đ;

[3.3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Nguyên đơn công ty TNHH X phải chịu 6.120.000đ *(Sáu triệu một trăm hai mười nghìn đồng)* chi phí giám định chữ ký, chữ viết; nguyên đơn đã nộp đủ và đã chi phí hết theo phiếu thu số 477 ngày 14/8/2024, quyển số 30; phiếu thu số 460A ngày 27/8/2024, quyển số 30 và phiếu chi số 460 ngày 27/8/2024, quyển số 30; phiếu chi số 459A ngày 27/8/2024, quyển số 31 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

[3.4] Về án phí:

[3.4.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn công ty TNHH X phải chịu 16.877.000đ *(Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 13.235.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH X đã nộp theo biên lai số 9648 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Công ty TNHH X còn phải nộp 3.642.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Bị đơn công ty cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

[4.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH X phải chịu 2.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 2.000.000 đồng, Công ty TNHH X đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số: 13773 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết